

Số: **178** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **22** tháng **8** năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II

Thực hiện Quyết định số 290/QĐ-TTr ngày 05/7/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 25/7/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực thi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/8/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103711478, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/3/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Trụ sở chính: tầng 10 tòa nhà Lotus Building, số 2 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Số tài khoản 21210009986688 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.

2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Gói thầu thứ 1: thi công kho than.

+ Giá trị hợp đồng: 93.500.000.000 đồng.

+ Ký với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương.

+ Ngày khởi công: ngày 28/4/2023.

+ Ngày dự kiến hoàn thành: ngày 31/12/2023.

- Gói thầu thứ 2: thi công nhà điều hành.

+ Giá trị hợp đồng: 43.607.916.908 đồng.

+ Ký với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương.

+ Ngày khởi công: ngày 06/01/2023.



h

- + Ngày hoàn thành: ngày 06/10/2023.
- Gói thầu thứ 3: thi công nhà kho.
- + Giá trị hợp đồng: 16.634.752.559 đồng.
- + Ký với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương, là nhà thầu phụ của tổng thầu là Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam.
- + Ngày khởi công: ngày 28/4/2023.
- + Ngày hoàn thành: ngày 08/5/2024.
- Địa chỉ Ban điều hành tại công trường: xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ: không phát sinh.
- Tổng số người lao động đang tham gia thi công gói thầu: 366 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: không.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 366 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 366, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 10 người;
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 23 người.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng: 333 người.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.
- Số người lao động thuê lại: 0.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.
- Nội dung của hợp đồng lao động: kiểm tra hợp đồng lao động của ông Đỗ Văn Khoa, mục công việc phải làm ghi “Theo quy định ban chỉ huy của công trường”.

2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.
- Huy động người lao động làm thêm, số giờ làm thêm không vượt quá số giờ quy định.
- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- Đã bố trí ngày nghỉ hằng năm gồm 12 ngày đối với người lao động làm công việc bình thường.

3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).
- Mức lương thấp nhất: 3.640.000 đồng/người/tháng, cao nhất: 10.000.000 đồng/người/tháng.

- Tiền lương làm thêm giờ: trả không đủ tiền lương làm thêm giờ cho 07 người lao động làm việc vào ngày thường trong tháng 5/2023 (doanh nghiệp trả tiền lương làm thêm giờ ít hơn 150% tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm vào ngày làm việc bình thường).

- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

- Doanh nghiệp trả lương cho người lao động đúng thời hạn.

4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (Số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 33 người; số người đã tham gia: 33 người.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động là mức lương ghi trên hợp đồng lao động.

5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 302 người.

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 06 người; đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 12 người nhưng chưa quy định việc trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; đã cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động; thẻ an toàn lao động cấp cho nhóm 3 không đóng dấu giáp lai vào ảnh.

- Người lao động có giấy khám sức khỏe khi tuyển dụng; doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định; không phát sinh khám bệnh nghề nghiệp.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên còn túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (kính bảo vệ mắt, găng tay khám bệnh, kim băng an toàn, nước muối sinh lý, bông hút nước).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 10 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định.

- Việc quan trắc môi trường lao động: sử dụng kết quả quan trắc chung của dự án do tổng thầu tổ chức năm 2022.

- Tổng số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: 0 vụ.

6. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng

6.1. Những quy định chung

- Doanh nghiệp thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương lập.
- Đã và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.
- Đã bố trí hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.
- Công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động: sử dụng công trình của tổng thầu.
- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.
- Đã xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình.
- Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại.
- Bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc: không phát sinh.

6.2. Công tác an toàn điện:

- Đã có bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện. Dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện trên.
- Đã bố trí các thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện.
- Đã kiểm tra, thử nghiệm trước khi sử dụng các thiết bị điện.
- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.

6.3. Thang và giàn giáo:

- Loại giàn giáo đang sử dụng trên công trường: giàn giáo thép.
- Việc thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang, các bộ phận của giàn giáo và giàn giáo: đã thực hiện đúng quy định.
- Giàn giáo, thang và các bộ phận của chúng làm bằng các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm phi kim loại (như gỗ, tre) và phi tiêu chuẩn: không phát sinh.
- Đã giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo vững chắc.
- Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ; giằng, chống chắc chắn.
- Đã bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sạt công tác, lồi đi lại và thang của giàn giáo.
- Đã lắp đặt lan can an toàn và tấm chặn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên.
- Đã kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.
- Việc sử dụng giàn giáo định hình, giàn giáo treo: không phát sinh.

6.4. Công tác hàn: không phát sinh.

6.5. Công tác đào, đắp đất đá: không phát sinh.

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm:

- Loại kết cấu chống đỡ tạm đang sử dụng: kim loại.

h

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm:

- Loại kết cấu chống đỡ tạm đang sử dụng: kim loại.
- Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm.
- Đã liên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm.

6.7. Ván khuôn và thi công bê tông:

- Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm; kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn theo quy định của Tổng thầu.
- Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.
- Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công (lắp dựng kết cấu chống đỡ tạm, cốp thép, thép cốt bê tông; đổ bê tông; kéo cáp ứng lực trước; bảo dưỡng; tháo dỡ ván khuôn; thí nghiệm và các công việc khác có liên quan).
- Đã kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.
- Đã sắp xếp vật liệu, cấu kiện, máy, thiết bị thi công gọn gàng ở khu vực bê tông đang đông cứng.

6.8. Làm việc trên cao:

- Đã lắp đặt lan can an toàn và trang bị dây an toàn cho người lao động động khi làm việc trên cao.
- Biện pháp đảm bảo an toàn khi làm việc trên các công trình cao (bao gồm các kết cấu dạng cột, trụ, tháp như trụ cầu dây văng, tháp viễn thông, cột truyền tải điện, ống khói cao, tượng đài, cột (tháp) pa nô quảng cáo và các công trình tương tự hoặc ở mặt ngoài các tòa nhà, tượng đài, si lô, đập lớn và tương tự khác): không phát sinh.
- Đã bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm.
- Đã để trống (không sử dụng) trên giàn giáo, sàn đỡ an toàn ngay bên dưới sàn đang có người lao động làm việc để bảo vệ, ngăn ngừa nguy cơ các vật rơi từ bên trên xuống.
- Khoảng cách khe hở giữa giàn giáo và công trình nhà điều hành không vượt quá 20 cm.
- Đã bố trí sàn đỡ an toàn bên trên lối vào công trình cao; lối đi, nơi làm việc của người lao động.
- Đã bố trí thang leo sắt để leo lên hoặc xuống công trình cao.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện trong thời kỳ thanh tra: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.

1.2. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.

- 1.4. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.
- 1.5. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ những người thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.6. Đã bố trí người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.7. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- 1.7. Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- 1.8. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- 1.9. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.
- 1.10. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.
- 1.11. Trong thời kỳ thanh tra, tại công trường không để xảy ra tai nạn lao động.
- 1.12. Đã thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương lập; lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình; đã bố trí hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại; dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường; xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng, đảm bảo quy định; đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại.
- 1.13. Đã có bản vẽ hoặc chỉ dẫn về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị và mạch điện tại các khu vực có lắp đặt điện; dán nhãn hoặc các phương pháp khác để nhận diện các mạch điện và thiết bị điện trên.
- 1.14. Đã bố trí thông báo, cảnh báo cấm người không có thẩm quyền (hoặc nhiệm vụ) thao tác, can thiệp vào các thiết bị điện.
- 1.15. Đã kiểm tra, thử nghiệm trước khi sử dụng các thiết bị điện.
- 1.16. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện (dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện...) được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.
- 1.17. Đã thực hiện đúng quy định về thiết kế, chế tạo, lắp dựng, sử dụng, kiểm tra, bảo trì thang, các bộ phận của giàn giáo và giàn giáo.
- 1.18. Đã giằng, liên kết, neo giữ giàn giáo đảm bảo vững chắc.
- 1.19. Đã lắp dựng giàn giáo trên hệ chân và nền đỡ; giằng, chống chắc chắn.
- 1.20. Đã bố trí màn che hoặc tấm che để ngăn ngừa nguy hiểm do các vật rơi, sàn công tác, lối đi lại và thang của giàn giáo.
- 1.21. Đã lắp đặt lan can an toàn và tấm chặn chân tại các phần của sàn công tác, đường đi, thang bậc đối với giàn giáo có chiều cao từ 2,0 m trở lên.
- 1.22. Đã kiểm tra giàn giáo trước khi đưa vào sử dụng và kiểm tra định kỳ.
- 1.23. Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao.
- 1.24. Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân hàn điện.

1.23. Đã lập và thực hiện biện pháp an toàn và biện pháp chống cháy cho vật liệu, thiết bị và người làm việc đi lại ở phía dưới khi thực hiện hàn trên cao.

1.24. Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân hàn điện.

1.25. Đã khảo sát thiết kế, thi công, lắp dựng, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định an toàn, nghiệm thu, sử dụng, quan trắc, bảo trì, tháo dỡ kết cấu chống đỡ tạm.

1.26. Đã kiên kết, giằng chống các tầng, lớp của kết cấu chống đỡ tạm.

1.27. Đã khảo sát, thiết kế, thi công lắp dựng; thử nghiệm; kiểm tra, giám sát, sử dụng và bảo trì; tháo dỡ ván khuôn theo quy định của Tổng thầu.

1.28. Đã lập và thực hiện biện pháp thi công kết cấu bê tông đổ tại chỗ.

1.29. Đã lập và thực hiện quy trình các giai đoạn thi công (lắp dựng kết cấu chống đỡ tạm, cốp thép, thép cốt bê tông; đổ bê tông; kéo cáp ứng lực trước; bảo dưỡng; tháo dỡ ván khuôn; thí nghiệm và các công việc khác có liên quan).

1.30. Đã kiểm tra kết cấu chống đỡ tạm trong quá trình đổ bê tông.

1.31. Đã sắp xếp vật liệu, cấu kiện, máy, thiết bị thi công gọn gàng ở khu vực bê tông đang đông cứng.

1.32. Đã lắp đặt lan can an toàn và trang bị dây an toàn cho người lao động động khi làm việc trên cao.

1.33. Đã bố trí sàn công tác trên cùng của giàn giáo thấp hơn đỉnh công trình tối thiểu 65 cm.

1.34. Đã để trống (không sử dụng) trên giàn giáo, sàn đỡ an toàn ngay bên dưới sàn đang có người lao động làm việc để bảo vệ, ngăn ngừa nguy cơ các vật rơi từ bên trên xuống.

1.35. Khoảng cách khe hở giữa giàn giáo và công trình nhà điều hành không vượt quá 20 cm.

1.36. Đã bố trí sàn đỡ an toàn bên trên lối vào công trình cao; lối đi, nơi làm việc của người lao động.

1.37. Đã bố trí thang leo sắt để leo lên hoặc xuống công trình cao.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng lao động ghi chưa đảm bảo quy định: mục đích công việc phải làm ghi "Theo quy định ban chỉ huy của công trường." không cụ thể theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Trả không đủ tiền lương làm thêm giờ cho 07 người lao động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động, Điều 55 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Thẻ an toàn lao động không đúng quy định theo mẫu số 06 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động (không đóng dấu giáp lai ảnh người được cấp thẻ).

2.4. Chưa quy định mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.5. Túi sơ cứu chưa đủ dụng cụ (thiếu kính bảo vệ mắt, găng tay khám bệnh, kim băng an toàn, nước muối sinh lý, bông hút nước) theo quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 43/QĐ-XPVPHC ngày 02/8/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp với hành vi trả không đủ tiền lương làm thêm giờ cho 07 người lao động; hình thức xử phạt: phạt tiền; số tiền xử phạt: 15.000.000 đồng (bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn).

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp:

- Nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định số 43/QĐ-XPVPHC ngày 02/8/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nêu trên.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục xong các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Mục 2 Phần III, đồng thời báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (gửi kèm tài liệu chứng minh việc khắc phục sai phạm) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Thực hiện niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn